

Ngày	30,250 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.8%	9.0%	15.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	20,450 - 31,150
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	175,897
Số lượng CPLH (CP)	5,814,785,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	29,007,906
Sở hữu nước ngoài	24.5%
Beta	1.30
EPS	1,601
P/E	18.9

DT thuần

Q1/24

30,852

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3,532 | -10.3%

YoY: ▲4,263 | 16.0%

LN trước thuế

Q1/24

3,261

tỷ VNĐ

QoQ: ▼124 | -3.7%

YoY: ▲2,729 | 513%

LN sau thuế

Q1/24

2,869

tỷ VNĐ

QoQ: ▼100 | -3.4%

YoY: ▲2,486 | 649%

ROA

2023

3.8%

+/- YoY: ▼1.1%

DT thuần

2023

118,953

tỷ VNĐ

YoY: ▼22,456 | -15.9%

LN trước thuế

2023

7,793

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,130 | -21.5%

LN sau thuế

2023

6,800

tỷ VNĐ

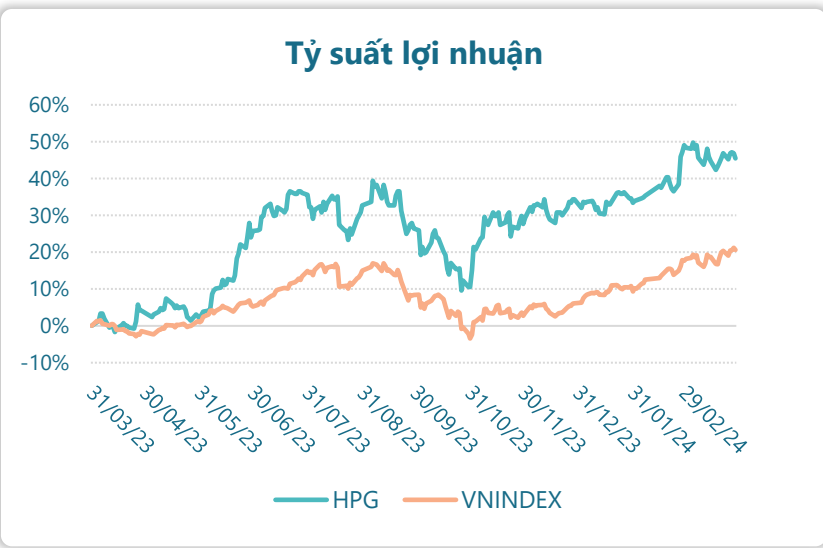
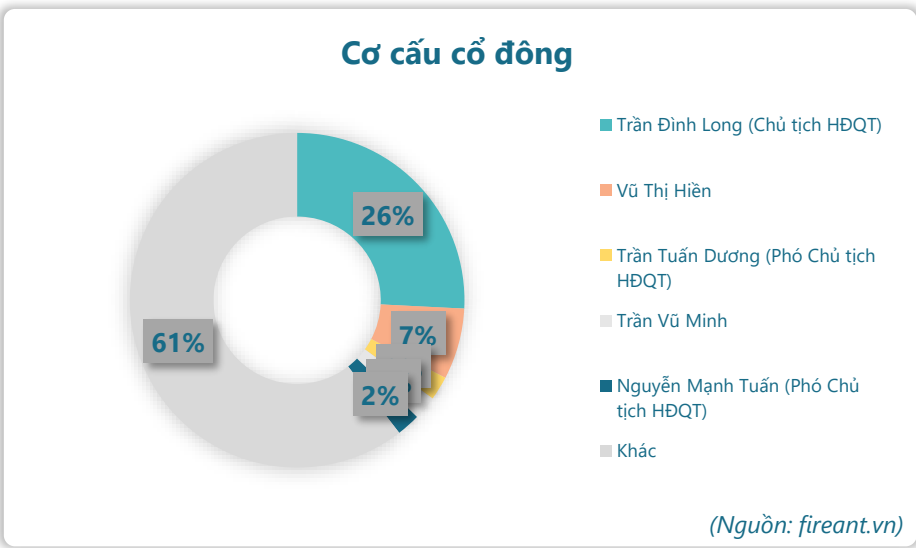
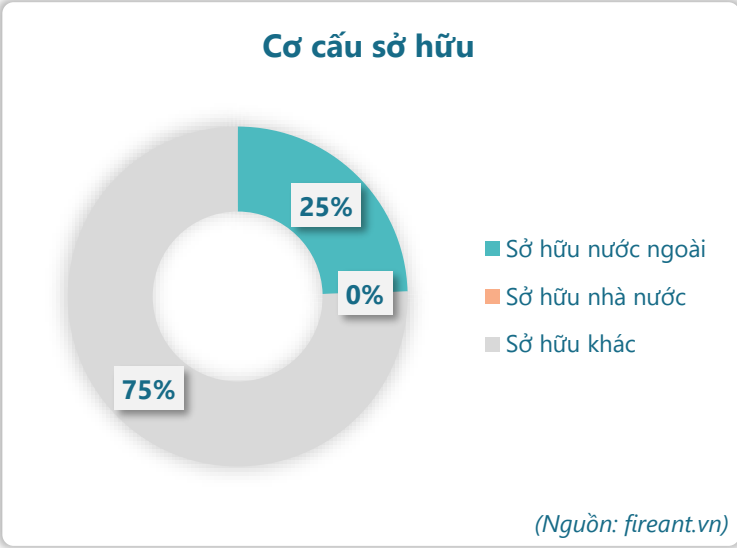
YoY: ▼1,644 | -19.5%

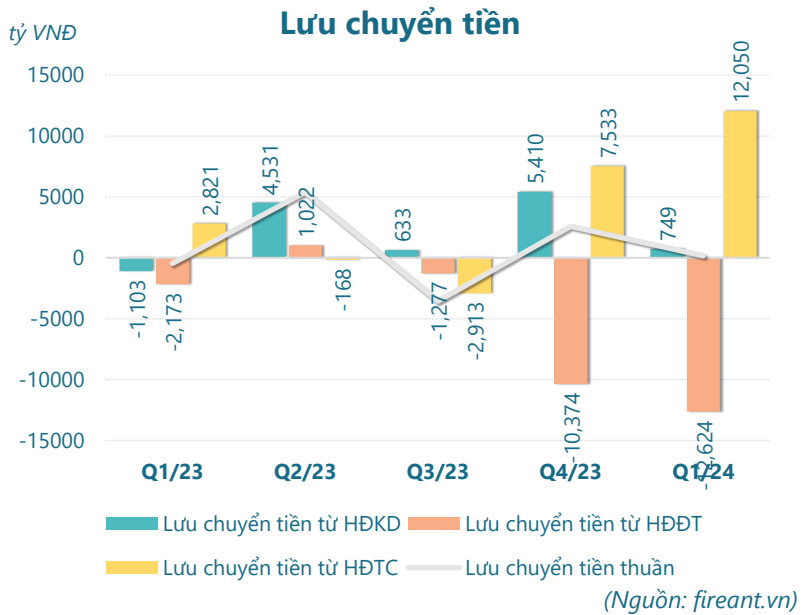
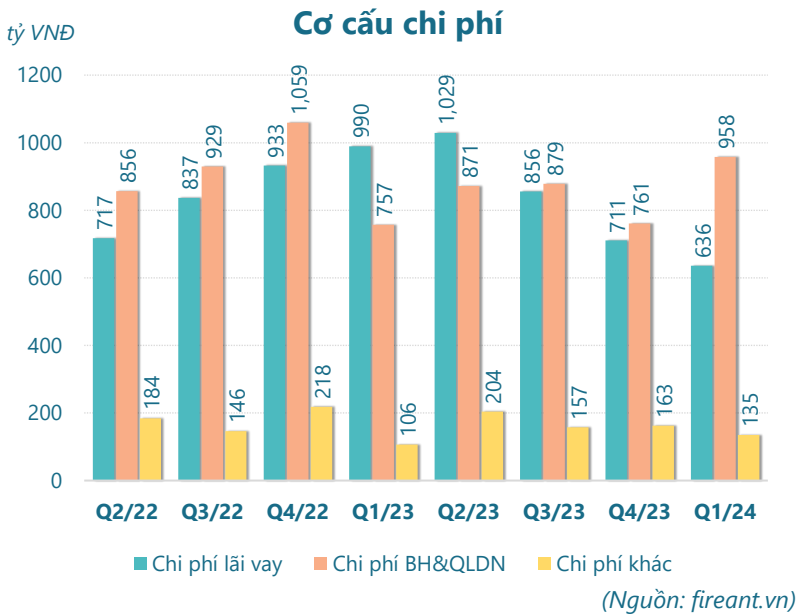
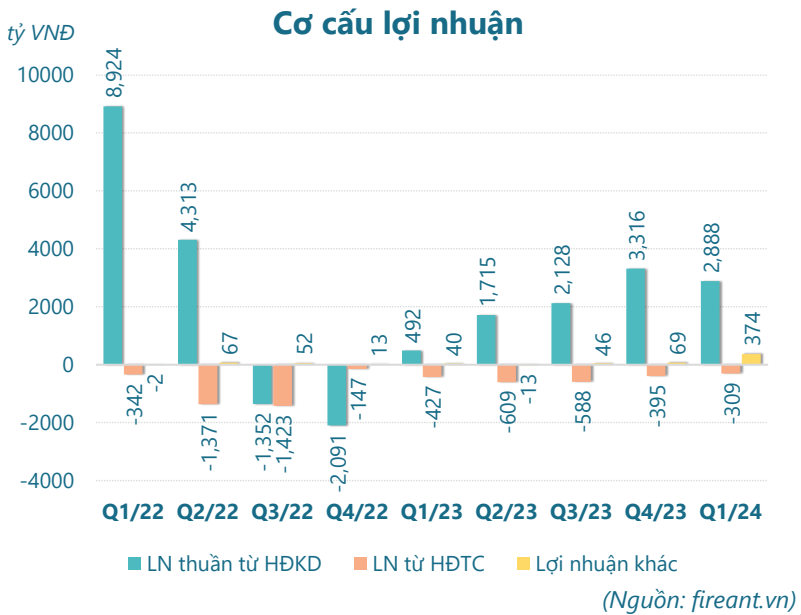
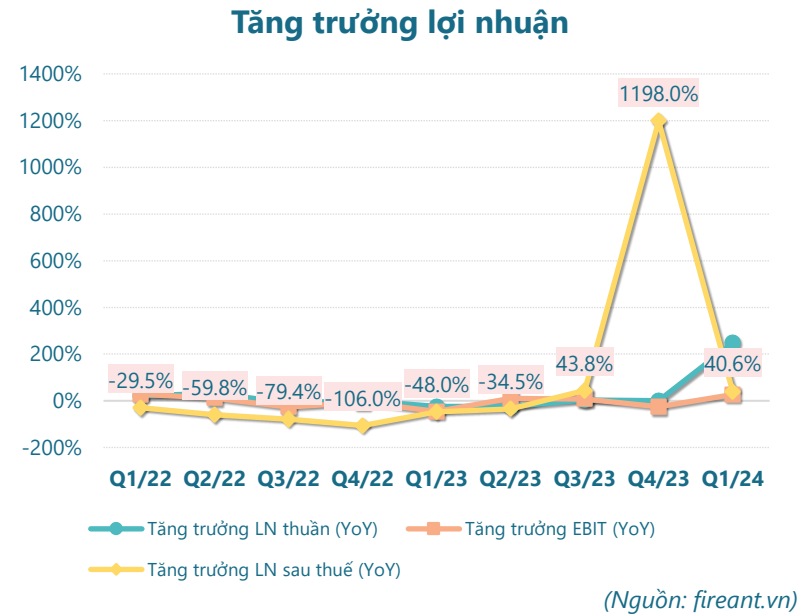
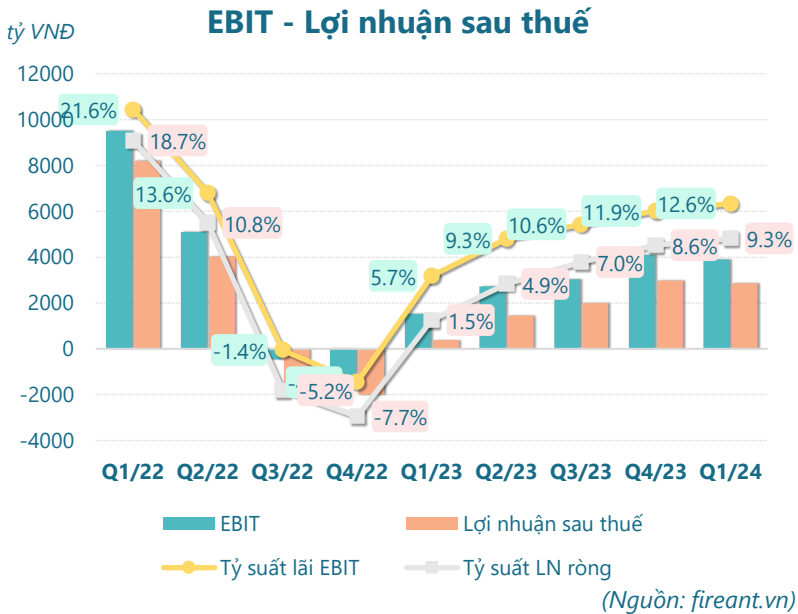
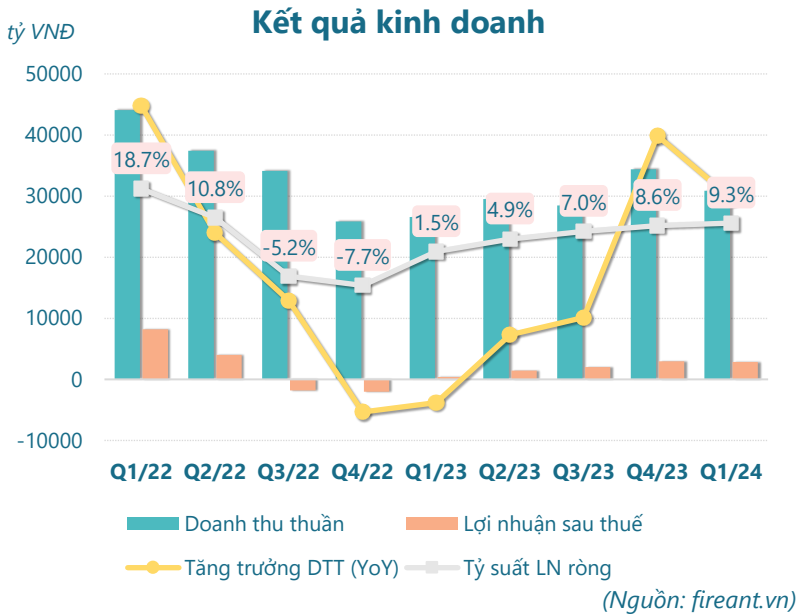
ROE

2023

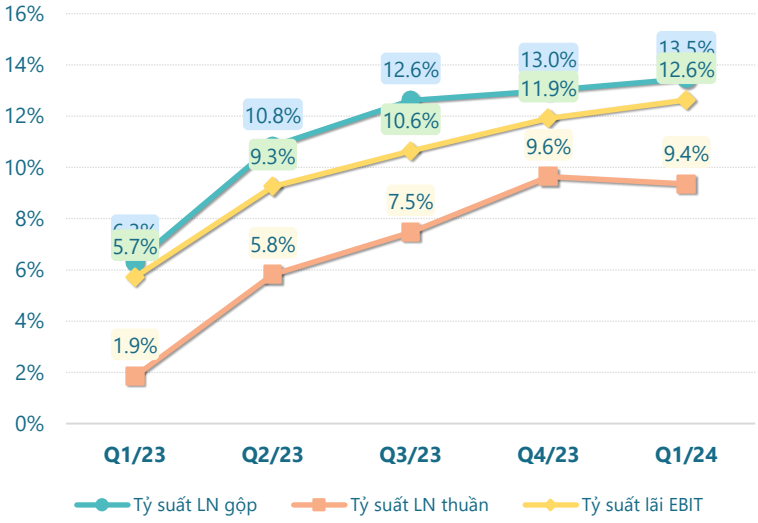
6.9%

+/- YoY: ▼2.2%



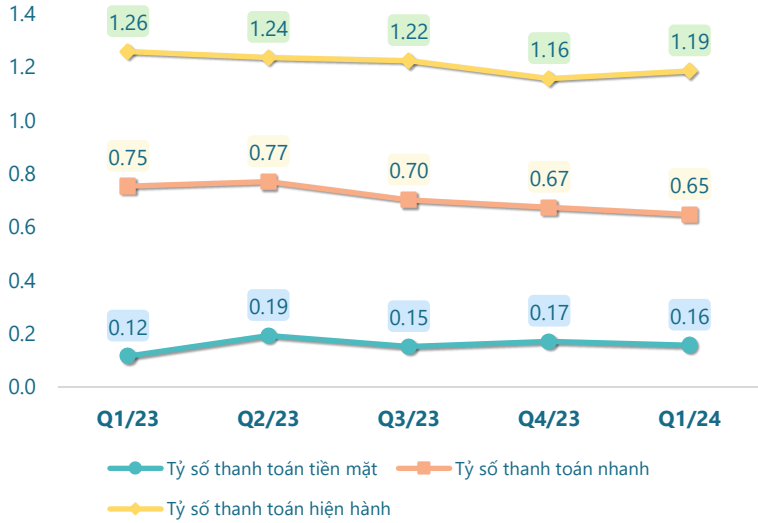


Tỷ suất lợi nhuận



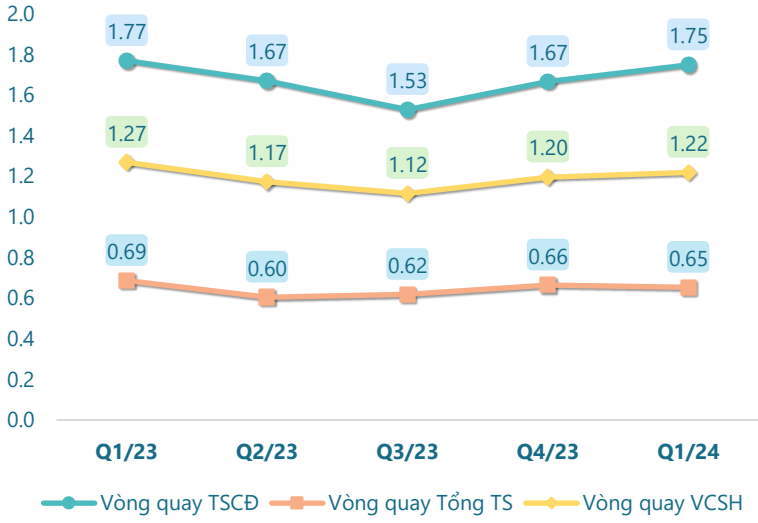
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



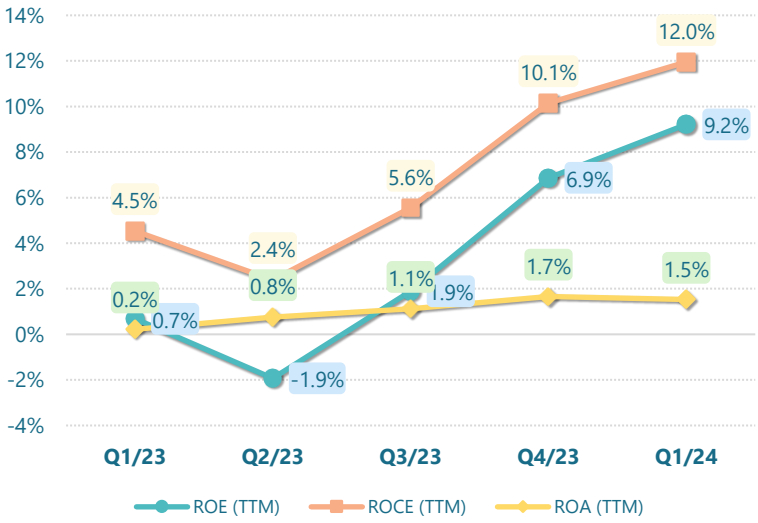
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



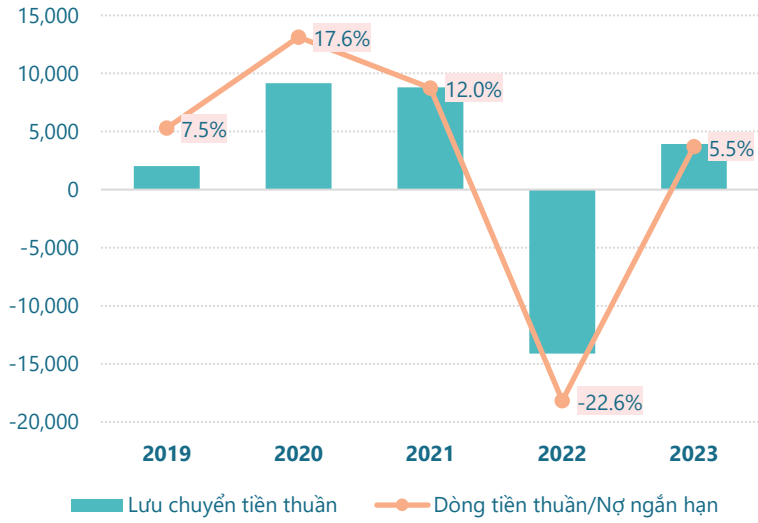
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



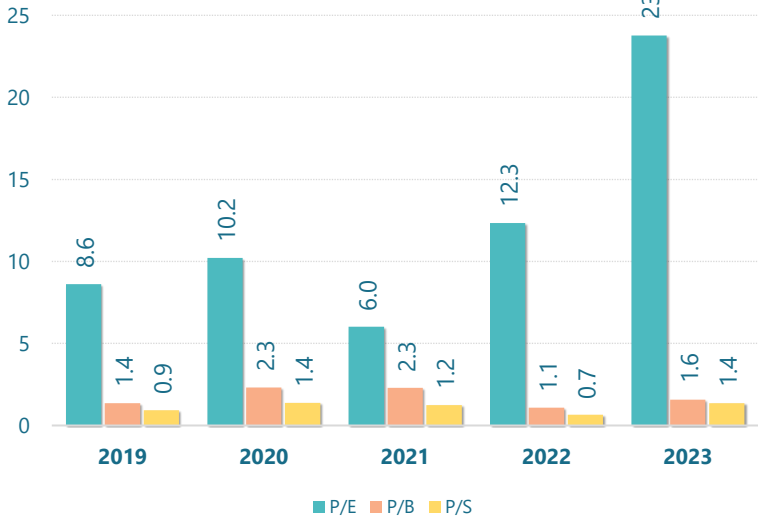
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)